

Số: 02/2020/QĐST-VHNGĐ

Ứng hòa, ngày 05 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v: Hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Thiện

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án ND huyện Ứng Hòa.

Đại diện VKSND huyện Ứng Hòa tham gia phiên họp:

Bà Nguyễn Thị Khuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 188/2020/TLST- VHNGĐ ngày 16/7/2020 về việc Hủy kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số: 02/2020/QĐST-VHNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây.

1. Người yêu cầu giải quyết: Anh **Phạm Văn S** - sinh năm 1968. Nguyên quán và nơi ĐKKHKT: Thôn T2, xã Đ, huyện U, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Ủy ban nhân dân xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa

Địa chỉ: xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Nam T1 - Chủ tịch UBND xã Đại Hùng (vắng mặt).

2.2. Chị Bùi Thị T - sinh năm 1964. Nguyên quán và nơi ĐKKHKT: Thôn T2, xã Đ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu, anh Phạm Văn S trình bày: Ngày 13/4/1987, anh có kết hôn với chị Bùi Thị T tại UBND xã Đại Hùng, khi đó do nhận thức và hiểu biết về pháp luật nên anh chị đã khai anh là Phạm Văn S - sinh năm 1967, còn chị T là Bùi Thị T - năm 1965. Thực tế thì anh là Phạm Văn S - sinh ngày 23/9/1968 còn chị T là Bùi Thị T - sinh ngày 25/10/1964. Sau khi đăng ký kết hôn, tổ chức cưới xong, vợ chồng

chung sống và cũng không để ý gì đến Giấy đăng ký kết hôn. Nay, anh chị mới nhận thấy việc kê khai như vậy là không đúng quy định của pháp luật. Vậy anh làm đơn đề nghị Tòa hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị T. Về con chung, anh chị có 02 con chung là Phạm Văn X - sinh ngày 20/12/1987 và Phạm Văn S - sinh ngày 28/12/1989, các con đều đã trưởng thành và do anh đề nghị hủy kết hôn để làm thủ tục kết hôn lại nên anh không đề nghị Tòa giải quyết về con chung. Về tài sản và công nợ: anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân xã Đại Hùng, ông Phạm Nam Tiến trình bày: Qua tra cứu sổ lưu tại UBND xã Đại Hùng thể hiện anh Phạm Văn S - sinh năm 1967 và Bùi Thị T - sinh năm 1965 đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Hùng vào ngày 13/4/1987. Nay anh S đề nghị Hủy kết hôn trái pháp luật, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

2/ Chị Bùi Thị T trình bày: Ngày 13/4/1987, chị và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Hùng. Xong vì khi đó anh S chưa đủ tuổi và thiếu hiểu biết pháp luật nên anh chị đã khai lệch năm sinh anh S là Phạm Văn S - sinh năm 1967 còn chị là Bùi Thị T - sinh năm 1965, mục đích để được cấp Giấy đăng ký kết hôn. Nhưng thực tế thì anh S sinh ngày 23/9/1968 còn chị T sinh ngày 25/10/1964. Nay, anh chị mới nhận thấy việc kê khai như vậy là không đúng quy định của pháp luật nên anh S làm đơn đề nghị Tòa hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị. Vì vậy, chị không có ý kiến gì; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh chị có 02 con chung là Phạm Văn X - sinh ngày 20/12/1987 và Phạm Văn S - sinh ngày 28/12/1989, anh chị vẫn chung sống hạnh phúc nên chị không đề nghị Tòa giải quyết về con chung. Về tài sản và công nợ: chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên họp, đại diện UBND xã Đại Hùng vắng mặt; anh Phạm Văn S và chị Bùi Thị T có mặt và cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân và không xuất trình thêm bất kỳ tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Trình tự từ khi thụ lý việc dân sự, về quan hệ pháp luật, quá trình thu thập chứng cứ, về thời gian, thời hạn tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, sự trình bày của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên họp đã bảo đảm quy định pháp luật, đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của anh S và chị T: Hủy Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/4/1987 của UBND xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) đã cấp cho anh Phạm Văn S và chị Bùi Thị T và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn S - sinh ngày 23/9/1968 với chị Bùi Thị T - sinh ngày 25/10/1964 kể từ thời điểm anh S đủ điều kiện kết hôn theo quy

định của pháp luật ngày 24/9/1987 . Anh S và chị T phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn S đã nộp đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ theo quy định - căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc hôn nhân và gia đình này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa.

Tại phiên họp, anh Phạm Văn S và chị Bùi Thị T đều yêu cầu Tòa án S nhận quan hệ hôn nhân được Tòa chấp nhận là phù hợp với Điều 244, Điều 361 của BLTTDS.

Trong quá trình xét đơn yêu cầu, Tòa đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, quyết định mở phiên họp, giải thích quyền và nghĩa vụ cho UBND xã Đại Hùng; xong tại phiên họp hôm nay, người đại diện cho UBND xã Đại Hùng đã có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 367 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân đều thể hiện anh S là Phạm Văn S - sinh ngày 23/9/1968; chị T là Bùi Thị T - sinh ngày 25/10/1964 và đã được công an xã Đại Hùng xác nhận tên tuổi thể hiện ở Giấy đăng ký kết hôn và ở Giấy khai sinh là một người; tên tuổi trong giấy khai sinh và chứng minh nhân dân mới đúng với họ tên, ngày tháng năm sinh là thật đúng ngày của anh S, chị T. Như vậy đã có đủ căn cứ chứng minh chị Bùi Thị T - sinh ngày 25/10/1964 (*đã đủ tuổi kết hôn*), anh Phạm Văn S - sinh ngày 23/9/1968, thời điểm đăng ký kết hôn anh S được 18 tuổi 6 tháng 20 ngày (*chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn*), do vậy anh S đã khai sinh năm 1967 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Xuất phát từ việc UBND xã Đại Hùng đã đăng ký kết hôn cho anh S, chị T, tại Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/4/1987 ghi họ tên chồng là Phạm Văn S - sinh năm 1967, họ tên vợ là Bùi Thị T - sinh năm 1965 đều không đúng ngày tháng năm sinh thực của anh S, chị T. Việc đăng ký kết hôn đã vi phạm vào Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 có quy định “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên*”. Như vậy có căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 13/4/1987 anh S chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn; việc UBND xã Đại Hùng đã đăng ký kết hôn cho anh S và chị T là sai (*do cán bộ nhận thức hoặc do cấu thả*), đã cấp giấy đăng ký kết hôn trái với quy định của pháp luật. Nay, anh S có đơn yêu cầu Tòa hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ theo Điều 5, Điều 9 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên họp xét đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, anh S, chị T đều xác định anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con chung, tài sản chung nhưng vì ngày tháng năm sinh của hai anh chị không trùng khớp nhau nên đã ảnh hưởng đến việc giao dịch dân sự trong cuộc sống của anh chị. Anh S và chị T đều thống nhất đề nghị Tòa công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm anh S đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, công nhận quan hệ hôn nhân của anh Phạm Văn S và chị Bùi Thị T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật từ ngày 24/9/1987.

[3] Về con chung, tài sản chung: Anh Phạm Văn S và chị Bùi Thị T đều không yêu cầu đề nghị.

[4] Về lệ phí, quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn S không phải nộp tiền lệ phí yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật. Anh Phạm Văn S và chị Bùi Thị T phải nộp tiền lệ phí Hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016; Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 1986); khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014);

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 244, Điều 361, Điều 362, Điều 366, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao và Bộ Tư pháp

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Phạm Văn S.

Hủy Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/4/1987 của UBND xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (*nay là thành phố Hà Nội*) đã cấp cho anh Phạm Văn S và chị Bùi Thị T.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn S và chị Bùi Thị T:

Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Phạm Văn S - sinh ngày 23/9/1968 và chị Bùi Thị T - sinh ngày 25/10/1964 đều trú tại thôn Trung Thượng, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội kể từ thời điểm anh Phạm Văn S đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật từ ngày 24/9/1987.

Anh Phạm Văn S sinh ngày 23/9/1968 và chị Bùi Thị T - sinh ngày 25/10/1964 có quyền, trách nhiệm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí: Anh Phạm Văn S không phải chịu lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình; Anh Phạm Văn S và chị Bùi Thị T phải nộp lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng chẵn*).

4. Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Hùng
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Văn Thiện